

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/HSST
Ngày 12/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Liên, ông Vũ Quốc Phòng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên** tham gia phiên tòa: Ông Đinh Huy Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2024 đối với:

- Bị cáo **Phạm Văn L**, sinh năm 1989, tên gọi khác: Không; nơi cư trú: **Thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam**; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: **Phạm Văn L1** và bà **Đỗ Thị N**; vợ: **Dương Thị Ánh H**, con: Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 25/3/2024 đến ngày 03/4/2024 chuyển áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

+ Chị **Dương Thị Ánh H**, sinh năm 1995, vắng mặt.

+ Bà **Lê Thị N1**, sinh năm 1950, vắng mặt.

+ Anh **Bùi Doãn S**, sinh năm 1974, vắng mặt.

+ Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1974, vắng mặt;

Đều nơi cư trú: **Thôn Đ, xã Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam**.

+ Anh **Lê Văn H1**, sinh năm 1995, nơi cư trú: **Thôn M, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam**; vắng mặt.

+ Bà **Lê Tuyết L2**, sinh năm 1973, nơi cư trú: **xóm A, thôn T, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam**; vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Anh **Phan Hữu T1**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh H** nhận được đơn tố cáo của anh **Bùi Doãn Sinh** tố c **Phạm Văn L** cho anh vay tiền với lãi suất cao nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh H** đã triệu tập **Phạm Văn L** làm việc

và xác định được **Phạm Văn L** đã cho anh **Bùi Doãn S** và chị **Lê Thị T** vay tổng số tiền 140.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương mức lãi suất 0,3%/ngày và 109,5%/năm, đã thu được tổng số tiền lãi là 125.500.000 đồng, trong đó được phép thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm, 0,054794%/ngày) là 23.296.297 đồng, thu lời bất chính là 102.203.704 đồng, cụ thể như sau:

Do có mối quan hệ quen biết, ngày 17/5/2022, chị **Lê Thị T** có đặt vấn đề vay tiền của **Phạm Văn L**. Vì là người cùng làng và chị **T** là phụ nữ, sợ khó thu tiền lãi nên **L** không đồng ý cho chị **T** vay tiền nên chị **T** nhờ anh **Bùi Doãn S** đứng ra vay tiền của **L**. Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất **L** sẽ cho anh **S** vay số tiền 70.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, chu kỳ tính lãi suất là 30 ngày và **L** sẽ cắt trước tiền lãi 30 ngày của tháng đầu tiên thì anh **S** đồng ý và viết 01 giấy vay tiền đưa cho **L**. Tại nhà chị **T**, Luân chuyển khoản cho anh **S** qua tài khoản ngân hàng **V** số 1018489636 mang tên **Bùi Doãn S**, số tiền 63.700.000 đồng (số tiền này **L** đã cắt lãi trước tiền lãi tháng đầu tiên là 6.300.000 đồng). Các tháng tiếp theo anh **S** đều đóng tiền lãi cho **L**. Sau khi thanh toán xong tiền lãi tháng 7/2023, đến ngày 17/8/2023, do đã có đủ tiền gốc nên anh **S**, chị **T** đã nhờ mẹ chị **T** là bà **Lê Thị N1** thanh toán cho **L** toàn bộ số tiền 70.000.000 đồng đã vay. Tính đến ngày 17/8/2023, số tiền lãi anh **S** đã trả cho **L** là 94.200.000 đồng. Tổng số tiền lãi cao nhất theo quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự mà **L** được phép thu đối với số tiền cho vay 70.000.000 đồng với anh **S** trong thời gian nêu trên tương ứng là 17.500.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính **L** thu được từ lần cho anh **S** vay 70.000.000 đồng này là: 76.700.000 đồng.

Ngày 27/8/2023, anh **S** tiếp tục đặt vấn đề vay **L** số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất là 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày thì **L** đồng ý và cắt trước của 30 ngày tháng đầu tiên là 4.500.000 đồng vào tiền gốc vay thì số tiền anh **S** được nhận về là 45.500.000 đồng thì anh **S** đồng ý. Cùng ngày, chị **Dương Thị Ánh H** (là vợ của **L**) sử dụng tài khoản Ngân hàng số 19038336865016 mang tên **Dương Thị Ánh H** mở tại **Ngân hàng T2** chuyển số tiền 45.500.000 đồng vào tài khoản ngân hàng **V** số 1018489636 mang tên **Bùi Doãn S** của anh **S**. Sau đó anh **S** đóng lãi cho **L** các tháng 9, 10, 11, 12 năm 2023 là 4.500.000 đồng mỗi tháng, riêng tháng 01/2024 anh **S** mới đóng 2.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi **L** đã thu được của anh **S** từ việc cho anh **S** vay 50 triệu đồng trong 05 tháng là: 20.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự mà **L** được phép thu đối với số tiền cho vay 50.000.000 đồng với anh **S** trong thời gian 04 tháng tương ứng là 3.796.297 đồng. Số tiền **L** thu lợi bất chính là 16.703.704 đồng.

Ngày 30/8/2023, chị **T** tiếp tục đặt vấn đề vay với **L** là 20.000.000 đồng với lãi suất vẫn tính là 3000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày và cắt trước của 01 tháng (tương ứng 30 ngày) là 1.800.000 đồng vào tiền gốc vay thì tiền chị **T** được nhận về là 18.200.000 đồng. Cùng ngày Luân chuyển khoản từ tài khoản số 1860116899999 mang tên **Phạm Văn L** tại **ngân hàng M** của **L** đến tài khoản **V** số 9917292120 của chị **T** số tiền này. Nhận được tiền thì chị **T** có thỏa thuận với anh **S** để anh **S** thanh toán cả tiền lãi hàng tháng khoản vay này của chị **T** cho **L**. Anh **S** và chị **T** đã đóng lãi cho **L** đến hết tháng 02/2024. Tổng số tiền lãi đã thu được

là 10.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự mà **L** được phép thu đối với số tiền cho vay 20.000.000 đồng với chị **T** trong thời gian 06 tháng là 2.000.000 đồng. Số tiền **L** thu lợi bất chính từ lần cho chị **T** vay 20.000.000 đồng trong 06 tháng là 8.800.000 đồng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của **Phạm Văn L** tại **thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam**, Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh H** không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Quá trình điều tra đã tạm giữ của **Phạm Văn L** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3310 màu đen (đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu “ĐT01”).

Về nguồn gốc số tiền mà **L** cho anh **Bùi Doãn S** và chị **Lê Thị T** vay: **L** khai nhận do lao động mà có.

Về trách nhiệm dân sự: Anh **Bùi Doãn S**, chị **Lê Thị T** có quan điểm đề nghị xử lý số tiền lãi mà anh, chị đã trả cho **L** theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 87/CT-VKSĐT ngày 17/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên truy tố bị cáo về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: **Phạm Văn L** mức án từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho **Phạm Văn L** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3310 màu đen. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt tiền bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Truy thu của **Phạm Văn L** số tiền 93.296.297 đồng để sung ngân sách nhà nước. Truy thu của anh **Bùi Doãn S** số tiền 50.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước. Truy thu của chị **Lê Thị T** số tiền 20.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước. Truy thu của **Phạm Văn L** số tiền 102.203.704 đồng để trả lại cho anh **Bùi Doãn S** số tiền 93.403.704 đồng, trả lại cho chị **Lê Thị T** số tiền 8.800.000 đồng.

Bị cáo **Phạm Văn L** xin giảm nhẹ hình phạt, ngoài ra không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thị xã D** và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên và Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng, phù hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Với mục đích thu lời bất chính, tại thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam, trong khoảng thời gian từ ngày 17/5/2022 đến tháng 02/2024 Phạm Văn L đã có hành vi sử dụng số tiền 140.000.000 đồng cho anh Bùi Doãn S và chị Lê Thị T vay với lãi suất 3.000đồng/1.000.000đồng/01ngày, tương đương với mức lãi suất 0,3%/ngày và 109,5%/năm (vượt quá 05 lần mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự). Số tiền L đã thu lợi bất chính là 102.203.704 đồng.

Hành vi nêu trên của Phạm Văn L gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay làm cho người vay phải chịu mức lãi suất cao so với quy định của pháp luật, hành vi của bị cáo mang tính chất bóc lột làm cho người vay đã khó khăn càng lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tội phạm, hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt; không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

Từ nhận định trên cho thấy, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng, tài sản tạm giữ và biện pháp tư pháp:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3310 màu đen không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho Phạm Văn L.

Đối với số tiền 70.000.000 đồng là số tiền gốc Phạm Văn L đã sử dụng để cho anh Bùi Doãn S vay cần truy thu của L để sung ngân sách nhà nước. Đối với số tiền gốc 50.000.000 đồng L đã sử dụng để cho anh S vay, hiện nay anh S vẫn đang quản lý cần truy thu khoản tiền gốc này của anh S để sung ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 20.000.000 đồng L đã sử dụng để cho chị Lê Thị T vay, hiện nay chị T vẫn đang quản lý cần truy thu khoản tiền gốc này của chị T để sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 23.296.297 đồng có được do hành vi phạm tội, số tiền này bị cáo đã thu của anh Trần Doãn S1 và chị Lê Thị T nên cần truy thu đối với bị cáo để sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền Phạm Văn L thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng 102.203.704 đồng cần truy thu của bị cáo để trả lại cho anh Bùi Doãn S số tiền 93.403.704 đồng, trả lại cho chị Lê Thị T số tiền 8.800.000 đồng.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Văn L** phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: **Phạm Văn L** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Phạm Văn L** cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam tiếp tục giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

* Phạt bổ sung bị cáo **Phạm Văn L**: 30.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

2. Về vật chứng, tài sản tạm giữ và biện pháp tư pháp: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại bị cáo **Phạm Văn L**: 01 điện thoại di động Nokia 3310 màu đen.

(Đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an thị xã D với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên ngày 19/6/2024)

3. Truy thu của **Phạm Văn L** số tiền 93.296.297 đồng; của anh **Bùi Doãn S** số tiền 50.000.000 đồng; của chị **Lê Thị T** số tiền 20.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Truy thu của **Phạm Văn L** số tiền 102.203.704 đồng để: Trả lại cho anh **Bùi Doãn S** số tiền 93.403.704 đồng và trả lại cho chị **Lê Thị T** số tiền 8.800.000 đồng.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội buộc bị cáo **Phạm Văn L** phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tối cao; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- TAND tỉnh Hà Nam;

- VKSND tỉnh Hà Nam;

- Công an thị xã Duy Tiên;

- VKSND thị xã Duy Tiên;

- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên;

- Sở tư pháp tỉnh Hà Nam;

- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Tươi